

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/7/2022

*“V/v Tranh chấp ly hôn và  
nuôi con”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Xuân Minh;  
2. Bà Trần Thị Minh Lệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Nhật Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tố Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST- DS ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện V, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N; Địa chỉ trước lúc xuất cảnh: Thôn S, xã G, huyện L, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt. Hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị C trình bày:*

Chị C đăng ký kết hôn với anh N ngày 09/4/2012 tại UBND xã G, huyện L, tỉnh Quảng Trị trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống chị C và anh N có 01 con chung cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 26/10/2012, hiện cháu D đang được chị C chăm sóc và nuôi dưỡng. Tháng 12/2013, anh N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và từ đó cho đến nay, chị C và anh N không còn liên lạc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau vì tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến nay, chị

C thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được, hôn nhân không thể kéo dài nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị C yêu cầu Tòa án giao cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 26/10/2012 cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng.

Về nợ chung và tài chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về phía bị đơn:* Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ của Anh Nguyễn Văn N) nhận thay. Bà M cho biết anh N hiện đang làm việc tại Đài Loan, không rõ địa chỉ, gia đình liên lạc với anh N thông qua điện thoại và mạng xã hội. Bà M cam đoan thông báo nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N biết. Bà M trình bày: Nguyên nhân ly hôn do chị C và anh N đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, chị C và anh N khi kết hôn tuổi còn nhỏ, không hiểu chuyện nên luôn xảy ra bất đồng. Thực tế chị C và anh N đã sống ly thân 07 năm nay, không còn liên lạc với nhau. Sau khi biết được chị C xin ly hôn, gia đình đã thông báo nội dung trên cho anh N biết, anh N đồng ý ly hôn với chị C và đồng ý giao cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 26/10/2012 cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:*

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị C là hợp pháp. Tuy nhiên, sau khi anh N đi lao động tại Đài Loan thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 71, 72, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 26/10/2012 cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí : Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn N đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Khi thụ lý vụ án, chị C và gia đình anh N không cung cấp được địa chỉ của anh N tại Đài Loan, nhưng gia đình anh N thường xuyên liên lạc với anh N qua điện thoại, gia đình anh N đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thay cho anh N và cam đoan thông báo nội dung của các văn bản tố tụng cho anh N, nhưng anh N không cung cấp địa chỉ, không trực tiếp tham gia tố tụng và không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị C nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết là đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh N.

*[2] Về nội dung:*

*[2.1] Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 09/4/2012, chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn N đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện L, tỉnh Quảng Trị trên cơ sở tự nguyện. Theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

*[2.2] Về tình cảm:* Sau khi kết hôn, tháng 12/2013, anh N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ đó cho đến nay, chị C và anh N không còn liên lạc với nhau. Anh N không còn quan tâm chăm sóc vợ con. Theo ý kiến của bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ của anh N trình bày: Nguyên nhân ly hôn do chị C và anh N đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, do chị C và anh N khi kết hôn tuổi còn nhỏ, không hiểu chuyện nên luôn xảy ra bất đồng. Chị C và anh N đã sống ly thân 07 năm nay và không còn liên lạc gì với nhau. Thông qua gia đình, anh N đồng ý ly hôn với chị C. Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng chị C và anh N không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Căn cứ

khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh N.

[2.3] *Về con chung*: Chị C và anh N có 01 con chung cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 26/10/2012, chị C đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị C yêu cầu Tòa án giao cháu D cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng. Thông qua gia đình, anh N cũng đồng ý giao cháu D cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng. Còn cháu D có đơn trình bày nguyện vọng được ở với chị C. Hội đồng xét xử thấy: Chị C đang là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, hiện tại anh N đang làm việc tại Đài Loan. Căn cứ các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 26/10/2012 cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Theo đơn khởi kiện, chị C yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng. Sau đó, chị C có đơn trình bày không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí. Buộc Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0000081 ngày 18/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị C đã nộp đủ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 469, Điều 479, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C.

1. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 26/10/2012 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0000081 ngày 18/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị C đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết. Anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hà**